



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021
và một số chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị PJICO trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:**1.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (theo báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2021):**

- Tổng lợi nhuận trước thuế :	436,861,002,103 đồng
- Thuế TNDN:	84,822,238,471 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế :	352,038,763,632 đồng

1.2 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế :	352,038,763,632 đồng
- Vốn điều lệ sau khi trả cổ phiếu thưởng:	1,108,972,162,500 đồng
- Chi trả cổ tức 8%:	88,717,773,000 đồng
- Trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% LNST:	17,601,938,182 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 20% LNST:	70,407,752,726 đồng
- Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV (tương đương 01 tháng lương bình quân):	38,516,000,000 đồng
- Trích quỹ phúc lợi cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):	19,258,000,000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng thuộc HĐQT để khen thưởng cho các Đơn vị thành viên và các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:	10,000,000,000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng, cá nhân và tổ chức hợp tác, hỗ trợ và đóng góp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 2% Lợi nhuận sau thuế. Giao Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế sử dụng quỹ khen thưởng nhằm đạt hiệu quả cao nhất.	7,040,775,273 đồng
- Trích quỹ khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cho người quản lý (HĐQT, Ban điều hành, Kế toán trưởng) tham gia quản lý điều hành TCT trong năm 2021 - 3 tháng lương, thưởng, thù lao/người theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý được tính theo thời gian thực tế tham gia quản lý điều hành năm 2021 - theo Phụ lục 01 đính kèm.	4,576,992,000 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:	95,919,532,451 đồng



2- Kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu sau:

* Căn cứ vào doanh thu thực hiện năm 2021 của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu bảo hiểm gốc là 3.678,5 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2021;
 - Lợi nhuận trước thuế: 250 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12% (trên vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ).
- Thuyết minh kế hoạch kinh doanh năm 2022 - theo Phụ lục 02; 03 đính kèm.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, HĐQT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
PETROLIMEX
Đ. ĐỒNG ĐÀ - T. HÀ NỘI



Trần Ngọc Năm

TỔNG
TY
BẢO
ETRO
VG Đ

PHỤ LỤC 01: BẢNG KÊ TÍNH QUỸ KHEN THƯỞNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI QUẢN LÝ (HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG) TỔNG CÔNG TY NĂM 2021

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian giữ chức vụ (tháng)	Mức lương, thù lao cơ bản theo quy chế	Hệ số điều chỉnh theo lợi nhuận thực hiện	Hệ số bổ sung vượt KH lợi nhuận	Mức lương, thù lao thực hiện 01 tháng	Số tiền thưởng theo thời gian đảm nhận chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRI								2,318,064,000
1	Trần Ngọc Năm	CT HĐQT	12.0	50,100,000	2.8	20%	168,336,000	505,008,000
2	Đào Nam Hải	UV HĐQT	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
3	Phạm Thanh Hải	nt	4.0	28,200,000	2.8	20%	101,920,000	305,760,000
			8.0	31,400,000	2.8	20%		
4	Trịnh Thị Quỳnh Hương	nt	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
5	Trương Diệu Linh	nt	12.0	28,200,000	2.8	20%	94,752,000	284,256,000
6	Nguyễn Mạnh Linh	nt	4.0	28,200,000	2.8	20%	101,920,000	305,760,000
			8.0	31,400,000	2.8			
7	Lee Jea Hoon	nt	12.0	28,200,000	2.8	20%	94,752,000	284,256,000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC								1,974,672,000
1	Đào Nam Hải	TGD	12.0	42,100,000	2.8	20%	141,456,000	424,368,000
2	Trần Anh Tuấn	P TGD	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
3	Bùi Hoài Giang	nt	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
4	Lê Thành Đạt	nt	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
5	Phạm Thanh Hải	nt	12.0	31,400,000	2.8	20%	105,504,000	316,512,000
6	Nguyễn Thị Hương Giang	nt	10.0	28,200,000	2.8	20%	94,752,000	284,256,000
KẾ TOÁN TRƯỞNG								284,256,000
1	Vương Quốc Hưng	Kế toán trưởng	12.0	28,200,000	2.8	20%	94,752,000	284,256,000
TỔNG CỘNG								4,576,992,000

PHỤ LỤC 02: SỐ LIỆU KẾ HOẠCH DOANH THU BẢO HIỂM GỐC 2022

ĐVT: triệu đồng

MN V	Tên nghiệp vụ	Doanh thu thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
			Doanh thu	% Tăng trưởng
01	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	295,567	315,000	6.6%
02	Bảo hiểm thân tàu biển	69,585	71,000	2.0%
03	Bảo hiểm P&I tàu biển	176,487	177,000	0.3%
04	Bảo hiểm tàu thủy nội địa	12,599	13,500	7.1%
05	Bảo hiểm tàu cá	2,783	3,500	25.8%
06	Bảo hiểm xe ô tô	1,220,157	1,350,000	8.5%
07	Bảo hiểm mô tô, xe máy	106,258	106,000	-0.2%
08	Bảo hiểm học sinh, giáo viên	65,723	67,800	3.2%
09	Bảo hiểm con người khác	375,907	452,700	20.4%
10	Bảo hiểm cháy nổ, mọi rủi ro tài sản	677,147	745,000	10.0%
11	Bảo hiểm kỹ thuật	152,409	180,000	18.1%
12	Bảo hiểm hỗn hợp	119,126	125,000	4.9%
13	Bảo hiểm hàng không, năng lượng, khác	70,112	72,000	2.7%
67	Bảo hiểm khai thác hải sản theo ND 67 (nếu có)	232	-	
	Tổng cộng	3,344,092	3,678,500	10.0%

HÀ NỘI

PHỤ LỤC 03 - SỐ LIỆU KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

Chỉ tiêu	Tổng	Gốc (không tàu cá 67)	Nhận tái BH	Đầu tư
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	3,660,148	3,498,661	161,487	
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	3,678,500	3,678,500		
- Phí nhận tái bảo hiểm	168,000	-	168,000	
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	186,352	179,839	6,513	
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	1,032,669	1,004,095	28,575	
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,076,466	1,046,679	29,786	
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	43,796	42,584	1,212	
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	2,627,479	2,494,566	132,912	
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	413,001	394,905	18,096	
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	246,669	240,691	5,978	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	166,332	154,214	12,117	
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	3,040,480	2,889,472	151,008	
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	1,572,524	1,466,978	105,547	
Trong đó:				
-Tổng chi bồi thường	1,572,524	1,466,978	105,547	
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)				
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	436,234	414,287	21,947	
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	9,462	39,906	(30,444)	
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	7,109	29,982	(22,873)	
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	1,138,643	1,062,615	76,028	
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	27,700	26,318	1,382	
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	1,207,559	1,136,462	71,098	
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	240,213	200,448	39,766	
- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí khác	967,346	936,014	31,332	
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2,373,903	2,225,395	148,508	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	666,577	664,077	2,500	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10,815			10,815
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	6,340			6,340
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	4,475			4,475
18. Doanh thu hoạt động tài chính	46,508			46,508
19. Chi phí hoạt động tài chính	11,395			11,395
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	35,114			35,114
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	456,154	456,154	-	
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)	250,011	207,923	2,500	39,588
23. Thu nhập khác				
24. Chi phí khác				
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-	-	-	-
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	250,011	207,923	2,500	39,588